

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-7-2020

V/v: Ly hôn giữa chị H
và anh U

**NHÂN DANH
NÚ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thúy Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Minh Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 27-4-2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 17, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn U, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 17, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 17, thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định. “vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27 tháng 9 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn - chị Phạm Thị H1 trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H1 và anh Nguyễn Văn U đăng ký kết hôn ngày 15-5-2013 tại Ủy ban nhân dân thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại tổ dân phố số 17, thị trấn TL được 02 năm

thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân là do anh U đi làm nhưng không đem kinh tế về nhà để chị trang trải cuộc sống, khi chị H1 nói thì anh U có những lời nói xúc phạm chị và đuổi chị đi. Đến đầu năm 2016, chị H1 xin phép bố mẹ chồng về nhà bố mẹ đẻ sinh sống để vợ chồng nhìn nhận lại tình cảm của mình nhưng anh U vẫn không thay đổi, không quan tâm, hỏi han gì chị, vợ chồng ly thân kể từ đó. Đến nay xác định cuộc sống chung không thể kéo dài, không còn tình cảm với anh U nên chị H làm đơn đề nghị Tòa án cho được ly hôn với anh U.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chưa có con chung, hiện nay chị H1 không thai nghén gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Phạm Thị H1 và anh Nguyễn Văn U không có tài sản, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, theo quy định của pháp luật, Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số 99/2020/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2020 và các văn bản tố tụng khác cho anh Nguyễn Văn U, anh U đã được nhận. Theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án, anh U phải nộp (gửi) cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo (nếu có). Trong trường hợp cần gia hạn, thì phải có đơn xin gia hạn gửi Tòa án nói rõ lý do để Tòa án xem xét. Hết thời hạn theo luật định anh U không có ý kiến gì đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Huyền, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Anh U không có lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, nhưng thông qua bà Nguyễn Thị H2 là mẹ đẻ anh U ước cho biết anh U thường xuyên đi làm sáng đi tối về. Bà H2 nhận trách nhiệm nhận thay anh U các văn bản của Tòa án và sẽ thông báo lại cho anh U. Tại biên bản lấy lời khai bà Hiền trình bày: anh U và chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn TL, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì giữa anh U và chị H1 thường xuyên xảy ra bất hòa, cuộc sống chung không hạnh phúc, chị H1 tự ý về sinh sống cùng bố mẹ đẻ từ năm 2016, không liên lạc gì với gia đình và anh chị đã ly thân từ đó. Nay chị H1 xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể hàn gắn được nữa và làm đơn xin ly hôn, anh U cũng nhất trí ly hôn với sự tự nguyện. Về con chung: anh chị không có con chung, chị H1 cũng không có thai nghén gì; chị H1 và anh U không có tài sản và công nợ chung như chị H1 khai nhận ở trên là đúng, anh U cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị H1, bà H2 xin xét xử vắng mặt. Anh U vắng mặt lần hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị H1, anh U, bà H2 là phù hợp.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cho chị Phạm Thị H1 ly hôn với anh Nguyễn Văn U'. Về con chung: anh chị không có con chung, chị H1 cũng không có thai nghén gì; Về tài sản và công nợ chung: Vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị H1 xin vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong bản tự khai, bà Hiền xin vắng mặt và giữ nguyên lời trình bày như biên bản lấy lời khai; anh Ước vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Thị H1, bà Nguyễn Thị H2 xin xét xử vắng mặt; anh Nguyễn Văn U' là bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Huyền, anh Ước, bà Hiền.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Cuộc hôn nhân giữa chị Phạm Thị H1 và anh Nguyễn Văn U' trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và được Ủy ban nhân dân thị trấn TL, huyện HH, tỉnh Nam Định tổ chức đăng ký kết hôn ngày 15 tháng 5 năm 2013 là hoàn toàn hợp pháp. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H1 và anh U' là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình và quan điểm sống khác nhau, vợ chồng không thường xuyên chia sẻ, không quan tâm và tôn trọng lẫn nhau. Vì vậy, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn phát sinh nên từ năm 2016 cho đến nay anh chị sống ly thân. Xác định tình cảm không thể hàn gắn được, chị H' làm đơn xin được ly hôn với anh U'.

Quá trình giải quyết vụ án anh U' đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh U' không lên làm việc. Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị H2 (mẹ đẻ anh Ước) cho biết: anh U' và chị H đã được Ủy ban nhân dân thị trấn TL cho đăng ký kết hôn, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2016 chị H đã trả chìa khóa phòng và tự ý rời khỏi nhà sau đó không liên lạc gì với anh U' và với gia đình và vợ chồng anh U' chị H đã ly thân từ đó đến nay. Gia đình cũng không có biện pháp nào khuyên bảo để anh U' và chị H hàn gắn được với nhau. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh Ước xác định tình nghĩa vợ chồng không còn nên cũng nhất trí ly hôn với sự tự nguyện. Vợ chồng anh U' chị H không có con chung. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng anh U' chị H không có.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H, anh Ước là sâu sắc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đề nghị xin ly hôn của chị H để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H1, anh U không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về chia tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Chị Phạm Thị H1 phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị H1 và anh Nguyễn Văn U.

2. Về án phí dân sự: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Chị Phạm Thị H1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2017/0002068 ngày 27-4-2020 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Hải Hậu. Chị Phạm Thị H1 đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì Người được thi hành án dân sự, Người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh+huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu: 01 bản;
- UBND thị trấn TL: 01 bản;
- Đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 01 bản;
- Lưu văn phòng: 01 bản.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thuý Nga

